

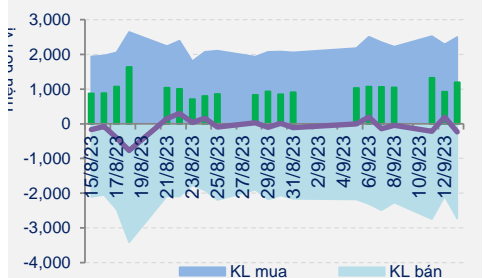
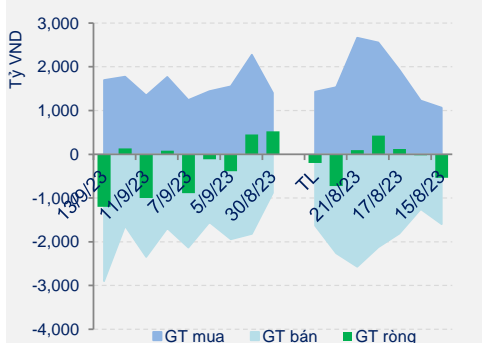
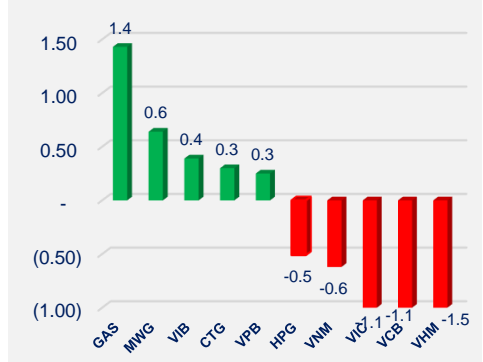
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 13/9/2023

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,238.39	256.11
% Thay đổi	↓ -0.57%	↓ -0.08%
KLGD (CP)	1,198,447,046	127,398,064
GTGD (tỷ đồng)	29,674.00	2,765.02
Tổng cung (CP)	2,727,946,226	193,234,500
Tổng cầu (CP)	2,495,487,100	150,406,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	80,521,643	407,278
KL mua (CP)	40,731,305	578,856
GT mua (tỷ đồng)	1,698.95	18.38
GT bán (tỷ đồng)	2,900.23	8.49
GT ròng (tỷ đồng)	(1,201.29)	9.90

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


Sau phiên tăng điểm tích cực phiên trước, VN-INDEX tạo khoảng trống tăng giá đầu phiên lên vùng 1.250 điểm sau đó diễn biến rung lắc trong phiên trước khi bắt ngờ chịu áp lực bán nhanh, mạnh ở cuối phiên chiều qua đó điều chỉnh về vùng giá 1.230 điểm với thanh khoản tăng. Kết phiên VN-INDEX phục hồi ở mức 1.238,39 điểm, giảm 7,05 điểm (-0,57%). HNX-INDEX giảm ít hơn 0,21 điểm (-0,08%) về mức 256,11 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với tổng cộng 435 mã giảm giá (09 mã giảm sàn), 267 mã tăng giá (14 mã tăng trần) và 114 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 32.427 tỉ đồng, tăng mạnh 29,38% so với phiên trước, cao vượt mức trung bình với khối lượng giao dịch trên sàn HOSE đạt 1,2 tỉ cổ phiếu. Diễn biến này cho thấy sau phiên phục hồi với thanh khoản kém, áp lực bán đã gia tăng trở lại ở nhiều mã. Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường giao dịch và bán ròng mạnh trở lại với giá trị 1.201,29 tỉ đồng, tập trung bán ròng mạnh ở nhóm thép, ngân hàng, bất động sản, khu công nghiệp; mua ròng trên HNX với giá trị 9,90 tỷ đồng.

Thị trường đón nhận thông tin Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 144/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2023. Theo đó NHNN cần tiếp tục phấn đấu giảm mặt bằng lãi suất cho vay; Theo Chính phủ, NHNN phải có giải pháp tiếp tục đẩy mạnh giải ngân các gói tín dụng 40 nghìn tỷ đồng hỗ trợ lãi suất, 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, 15 nghìn tỷ đồng cho lĩnh vực lâm sản, thủy sản. Chính phủ yêu cầu khẩn trương xem xét, điều chỉnh phù hợp theo thẩm quyền hệ số rủi ro đối với các phân khúc bất động sản khác nhau; rà soát các quy định liên quan đến cho vay, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho đồng bộ, phù hợp với chính sách phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Qua đó nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến khá tích cực ở đầu phiên, tuy nhiên với áp lực bán mạnh cuối phiên thì đa số đều giảm điểm với thanh khoản gia tăng mạnh như NVL (-4,77%), TDH (-3,97%), VPH (-3,72%), VHM (-2,62%), DXG (-2,24%)... ngoài các mã tăng giá tích cực với CEO (+2,90%), NBB (+2,17%), QCG (+2,11%)...

Nhóm các cổ phiếu đầu tư công, xây dựng vậy liệu xây dựng duy trì biến biến tích cực phiên trước, nhiều mã vẫn tăng giá mạnh, đột biến thanh khoản, nổi bật như FCN (+6,94%), HHV (+6,79%), C4G (+4,08%), KSB (+3,51%), LCG (+3,47%)... ngoài HBC (-2,89%), C69 (-1,05%)...

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính sau khi tăng giá mạnh tiếp tục có diễn biến tích cực trong đầu phiên và bắt đầu chịu áp lực bán ngắn hạn mạnh khi đa phần đã tăng giá vượt trội so với thị trường chung khi quay trở lại quanh vùng giá tương ứng tháng 03, 04/2022 tương ứng thời điểm VN-INDEX quanh 1.500 điểm với VFS (-3,13%), VIX (-2,91%), VDS (-2,62%), PSI (-2,46%)... ngoài BSI (+5,33%), TVS (+3,45%), CTS (+0,77%)... duy trì tích cực.

Trên thị trường phái sinh, sau khi lạc quan kỳ hạn VN30F2309 giảm khá mạnh 12 điểm (-0,95%), chênh lệch âm trở lại -2,95 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch tăng mạnh, vượt mức trung bình, khối lượng mở OI xu hướng giảm. Cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên duy trì ở mức cao khi thị trường biến động mạnh. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2310, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -3,95 điểm đến -13,05 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng. Cho thấy các trader nghiên về khả năng VN30 tiếp tục điều chỉnh; gia tăng các vị thế phòng ngừa rủi ro các kỳ hạn lớn trên thị trường phái sinh.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường tiếp tục rung lắc trước ngưỡng cản ngắn hạn 1.250 điểm, chốt phiên VnIndex giảm -7,05 điểm (-0,57%) và đóng cửa ở 1.238,39 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn VN-Index đã 2 lần tiệm cận ngưỡng cản ngắn hạn 1.250 điểm và cũng có 2 nhịp điều chỉnh, điều này cho thấy thị trường đang dần hình thành nền tảng tích lũy mới quanh khu vực 1.250 điểm và đây là vận động tích cực. Với diễn biến hiện tại, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ tiếp tục tích lũy theo hướng rung lắc có biên độ giảm dần và Vn-Index có thể bùng nổ vượt qua mốc 1.250 điểm trong thời gian tới.

Về góc nhìn trung hạn, xu hướng uptrend của thị trường vẫn duy trì tốt nhưng thị trường đang đối diện với 2 ngưỡng cản quan trọng quanh 1.250 điểm và xa hơn là 1.300 điểm. Do vậy diễn biến rung lắc, điều chỉnh trước các ngưỡng cản là bình thường và cần thiết giúp thị trường tiếp tục tích lũy nội lực để tiếp tục uptrend.

Trong ngắn hạn thị trường tiệm cận ngưỡng cản của Vnindex quanh 1.250 điểm và đã liên tục xuất hiện các nhịp điều chỉnh, rung lắc và tích lũy lại. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục với tỷ trọng trung bình và tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường, việc giải ngân chỉ nên thực hiện nếu Vn-Index vượt 1.250 điểm với động lực mạnh. Nhà đầu tư trung, dài hạn nếu bám sát các bản tin và khuyến nghị của chúng tôi thì hoàn toàn cơ cấu xong danh mục, nếu muốn giải ngân thêm nhà đầu tư vẫn có thể giải ngân dần trong các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

13/9/2023

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	48.20	43-45	55-57	41	12.1	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	14.50	11.5-13	15.5-16	12	4.7	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	49.25	46-48	57-59	43	7.5	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.99	19.5-21	25.5-26	18	13.8	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	67.5	51.8	73-74	66	30.3%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	34.6	28.05	36.5-37.7	34	23.2%	Nắm giữ
28/7/23	BIC	27.7	29.1	32-33	28	-4.8%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	79.1	72.95	87-89	78	8.4%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	32.6	30.6	35-37	31	6.4%	Nắm giữ
28/8/23	DTD	29.6	26.8	33-34	29	10.4%	Nắm giữ
28/8/23	VIC	59.2	63.1	79-82	59	-6.2%	Nắm giữ



## TIN VĨ MÔ

### Cách tính lương hưu khi đóng cả bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện

Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho biết, người lao động vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất trên cơ sở thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội. Theo quy định, thời gian tính hưởng chế độ hưu trí với người lao động vừa đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, vừa đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện là tổng thời gian đã đóng cả hai chế độ này, trừ thời gian đã tính hưởng bảo hiểm xã hội một lần...

### Chính phủ yêu cầu NHNN xem xét, điều chỉnh hệ số rủi ro các phân khúc bất động sản

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 144/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2023. Nghị quyết nêu rõ chú trọng ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và an sinh xã hội. Chính phủ yêu cầu khẩn trương xem xét, điều chỉnh phù hợp theo thẩm quyền hệ số rủi ro đối với các phân khúc bất động sản khác nhau; rà soát các quy định liên quan đến cho vay, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cho đồng bộ, phù hợp với chính sách phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

### Vàng tụt giá trước ngày Mỹ công bố báo cáo lạm phát

Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong hơn 2 tuần trong bối cảnh nhà đầu tư chờ báo cáo lạm phát tháng 8 của Mỹ dự kiến được công bố vào ngày thứ Tư. Giá vàng miếng trong nước sáng nay (13/9) giảm 100.000 đồng/lượng, nơi rộng chênh lệch so với giá vàng quốc tế lên gần 13 triệu đồng/lượng. Công ty Bảo Tín Minh Châu niêm yết giá vàng miếng SJC cho thị trường Hà Nội ở mức 68,1 triệu đồng/lượng (mua vào) và 68,73 triệu đồng/lượng (bán ra). So với sáng hôm qua, giá vàng miếng tại doanh nghiệp này hiện giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra.

### Ngành thuế sắp kiểm tra chuyên ngành 42 doanh nghiệp

Tổng cục Thuế vừa ban hành Quyết định 1326/QĐ-TCT phê duyệt Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành năm 2023 với danh sách 42 doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm tra thuộc nhiều lĩnh vực kinh doanh khác nhau, nhiều nhất là các doanh nghiệp địa ốc...Cụ thể, trong lĩnh vực bất động sản có tên của loạt doanh nghiệp như Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát, Địa ốc Vạn Phúc, Địa ốc Đông Nam, Khải Hoàn Land, Công ty cổ phần tư vấn và kinh doanh bất động sản TCO...



**TIN DOANH NGHIỆP**

**Petrolimex (PLX) chi gần 942 tỷ đồng trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ 7%**

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Petrolimex (mã chứng khoán PLX - sàn HOSE) thông báo, ngày 22/9 là ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức năm 2022. Tập đoàn sẽ trả cổ tức bằng tiền, tỷ lệ 7% (tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 700 đồng). Thời gian thanh toán vào ngày 10/10. Với hơn 1,34 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, PLX sẽ chi gần 942 tỷ đồng để trả cổ tức cho cổ đông. Hiện tại, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đang là cổ đông lớn nhất PLX với gần 982 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 75,87%, tương ứng sẽ nhận về khoảng 687 tỷ đồng cổ tức từ PLX.

**Bất động sản Thế Kỷ dự kiến trả cổ tức năm 2022 tỷ lệ 10% trong quý 4**

Mới đây, CTCP Bất động sản Thế Kỷ (HOSE: CRE) công bố thông tin về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu. Dự kiến thực hiện trong quý 4/2023. Ngày 11/09 vừa qua, HĐQT của Bất động sản Thế Kỷ thông qua việc điều chỉnh một số nội dung tại phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu. Cụ thể, tỷ lệ thực hiện chi trả cổ tức 2022 là 10:1, tương ứng cổ đông sở hữu 10 cp sẽ nhận được 1 cp mới. Với hơn 463.6 triệu cp đang lưu hành, CRE dự kiến sẽ phát hành gần 46.4 triệu cp để trả cổ tức.

**VinFast muốn xây nhà máy ở Indonesia, dự tính đầu tư 1.2 tỷ USD**

VinFast lên kế hoạch mở rộng thêm ở 7 thị trường khác ở Châu Á, trong đó có cả Indonesia. Hãng xe điện Việt Nam đặt mục tiêu giao xe từ năm 2024 và có thể xây nhà máy tại đây vào năm 2026. Trong một hồ sơ gần nhất gửi tới Sở giao dịch Chứng khoán Mỹ (SEC), VinFast muốn đầu tư khoảng 1.2 tỷ USD vào thị trường Indonesia trong dài hạn. Trong số này, 200 triệu USD dự kiến được dùng để xây dựng nhà máy tại đất nước châu Á này và có thể sản xuất 30,000 - 50,000 xe/năm.

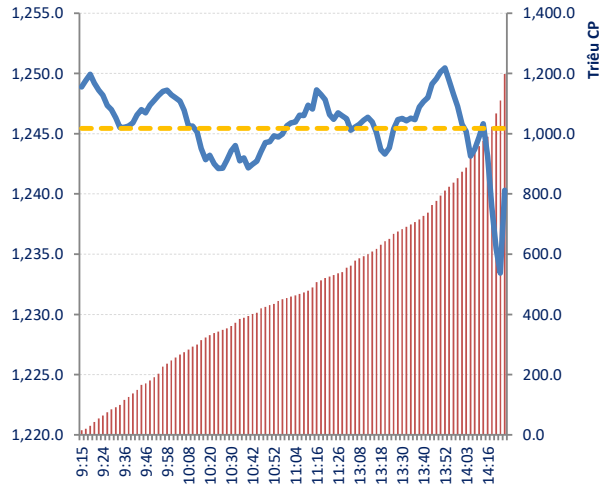
**EIB chốt quyền phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 18%**

Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank, HOSE: EIB) thông báo chốt quyền trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/09/2023. Với tỷ lệ thực hiện 100:18, tức 18% (cổ đông sở hữu 100 cp nhận 18 cp mới), EIB sẽ phát hành thêm gần 266 triệu cp để trả cổ tức. Dự kiến sau khi hoàn tất phát hành, vốn điều lệ của EIB sẽ tăng thêm gần 2,656 tỷ đồng, lên mức 17,470 tỷ đồng.

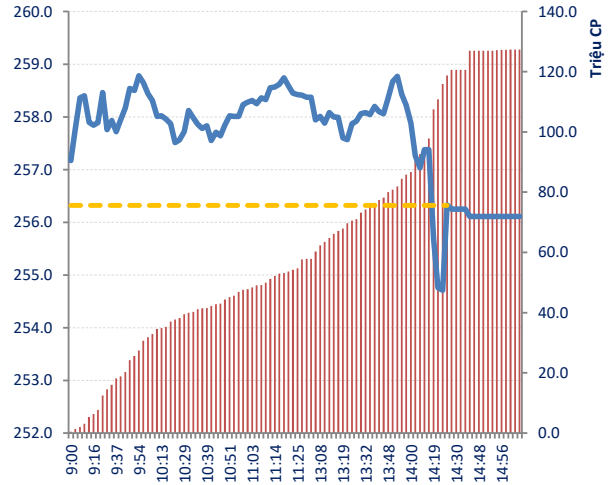


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

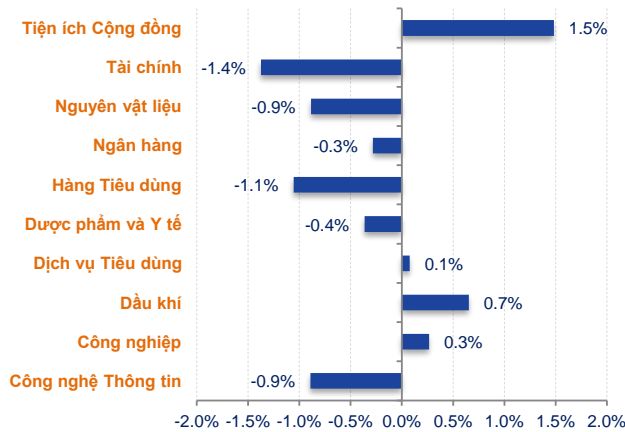
KLGD và VN-Index trong phiên



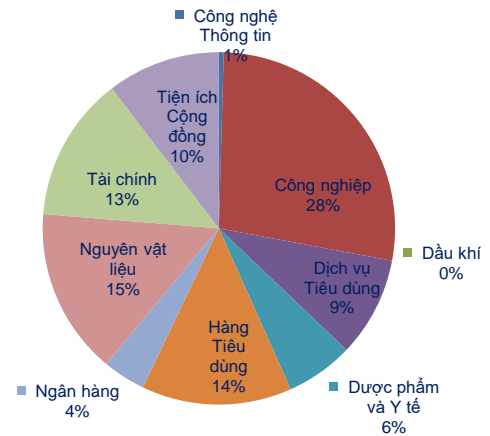
KLGD và HNX-Index trong phiên



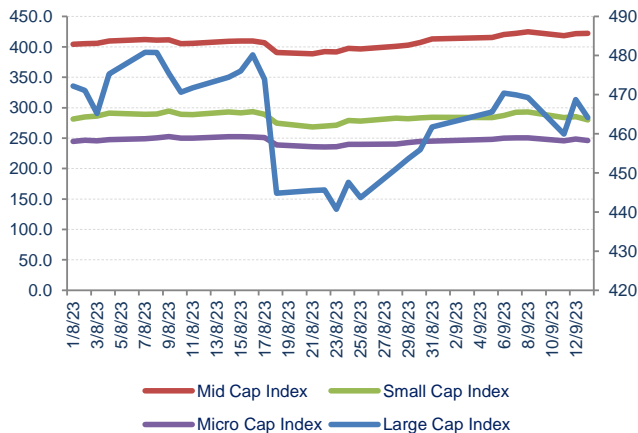
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



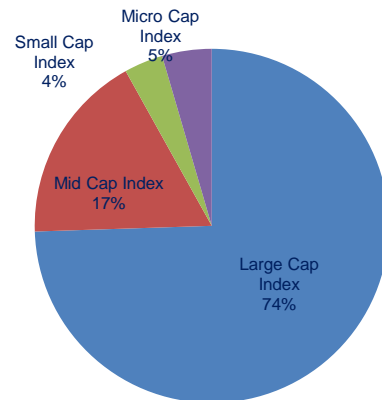
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





HOSE	HNX
------	-----

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	2,121,795	HPG	10,768,438	1	IDC	171,200	CEO	128,200
2	HDG	1,672,200	STB	3,940,300	2	DDG	65,200	NVB	100,100
3	BSI	1,071,380	SHB	3,576,470	3	TNG	41,435	IVS	48,500
4	HHV	837,700	KBC	2,971,900	4	VNR	34,700	PSD	30,700
5	DXS	299,420	VHM	2,103,420	5	TSB	30,600	HCC	26,100

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
NVL	20.95	19.95	↓ -4.77%	77,131,800	SHS	20.50	20.30	↓ -0.98%	18,944,376
HPG	28.75	28.40	↓ -1.22%	49,263,400	HUT	27.40	26.80	↓ -2.19%	18,611,353
GEX	25.25	25.90	↑ 2.57%	39,010,300	CEO	27.60	28.40	↑ 2.90%	14,638,639
VIX	20.60	20.00	↓ -2.91%	38,055,500	PVS	36.90	37.20	↑ 0.81%	8,761,864
HHV	16.20	17.30	↑ 6.79%	36,190,900	MBS	23.10	23.00	↓ -0.43%	4,981,329

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTT	29.50	31.55	2.05	↑ 6.95%	TSB	54.40	59.80	5.40	↑ 9.93%
FCN	18.00	19.25	1.25	↑ 6.94%	KSV	35.80	39.30	3.50	↑ 9.78%
HU1	8.95	9.57	0.62	↑ 6.93%	CMS	20.50	22.50	2.00	↑ 9.76%
CNG	30.45	32.55	2.10	↑ 6.90%	HCT	10.30	11.30	1.00	↑ 9.71%
PTL	5.80	6.20	0.40	↑ 6.90%	SFN	19.60	21.50	1.90	↑ 9.69%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HPX	6.33	5.89	-0.44	↓ -6.95%	GLT	26.20	23.60	-2.60	↓ -9.92%
AGM	7.79	7.25	-0.54	↓ -6.93%	PIA	31.40	28.30	-3.10	↓ -9.87%
IBC	2.19	2.04	-0.15	↓ -6.85%	VLA	23.40	21.10	-2.30	↓ -9.83%
TTE	14.60	13.60	-1.00	↓ -6.85%	SSM	8.80	8.00	-0.80	↓ -9.09%
TGG	2.93	2.73	-0.20	↓ -6.83%	PEN	9.30	8.50	-0.80	↓ -8.60%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	77,131,800	-1.3%	(295)	-	0.9
HPG	49,263,400	-2.0%	(328)	-	1.7
GEX	39,010,300	1.6%	385	65.6	1.0
VIX	38,055,500	7.0%	839	24.6	1.6
HHV	36,190,900	3.6%	954	17.0	0.6

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	18,944,376	4.3%	507	40.4	1.7
HUT	18,611,353	1.3%	138	199.3	6.3
CEO	14,638,639	7.7%	964	28.6	2.2
PVS	8,761,864	7.2%	1,953	18.9	1.3
MBS	4,981,329	10.0%	1,037	22.3	2.2

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BTT	↑ 6.9%	12.2%	3,405	8.7	1.0
FCN	↑ 6.9%	0.9%	207	86.8	0.8
HU1	↑ 6.9%	1.0%	153	58.3	0.6
CNG	↑ 6.9%	16.1%	2,575	11.8	2.0
PTL	↑ 6.9%	-22.1%	(1,116)	-	1.2

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TSB	↑ 9.9%	4.7%	550	98.9	4.8
KSV	↑ 9.8%	-9.0%	(1,355)	-	2.5
CMS	↑ 9.8%	1.1%	129	158.8	1.9
HCT	↑ 9.7%	1.1%	225	45.7	0.5
SFN	↑ 9.7%	11.7%	2,924	6.7	0.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	2,121,795	7.3%	1,093	32.8	2.4
HDG	1,672,200	12.4%	2,739	11.5	1.4
BSI	1,071,380	5.8%	1,371	30.1	1.8
HHV	837,700	3.6%	954	17.0	0.6
DXS	299,420	-0.4%	(82)	-	0.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	171,200	20.7%	3,969	12.3	2.6
DDG	65,200	-24.7%	(3,031)	-	0.9
TNG	41,435	15.5%	2,372	8.9	1.4
VNR	34,700	0.0%	(9)	-	1.2
TSB	30,600	4.7%	550	98.9	4.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	502,459	23.0%	5,797	15.5	3.3
BID	237,751	19.0%	4,025	11.7	2.1
VHM	232,959	29.1%	10,341	5.2	1.4
VIC	229,980	3.9%	1,395	43.2	1.7
GAS	196,563	20.3%	6,680	15.4	2.9

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	24,455	1.3%	138	199.3	6.3
PVS	17,637	7.2%	1,953	18.9	1.3
SHS	16,670	4.3%	507	40.4	1.7
IDC	16,104	20.7%	3,969	12.3	2.6
CEO	14,205	7.7%	964	28.6	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.69	-0.4%	(63)	-	0.9
EVG	2.96	1.3%	157	43.0	0.6
AGM	2.80	-46.1%	(10,046)	-	0.4
LGL	2.76	5.9%	769	6.9	0.4
POM	2.49	-68.2%	(6,145)	-	0.9

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

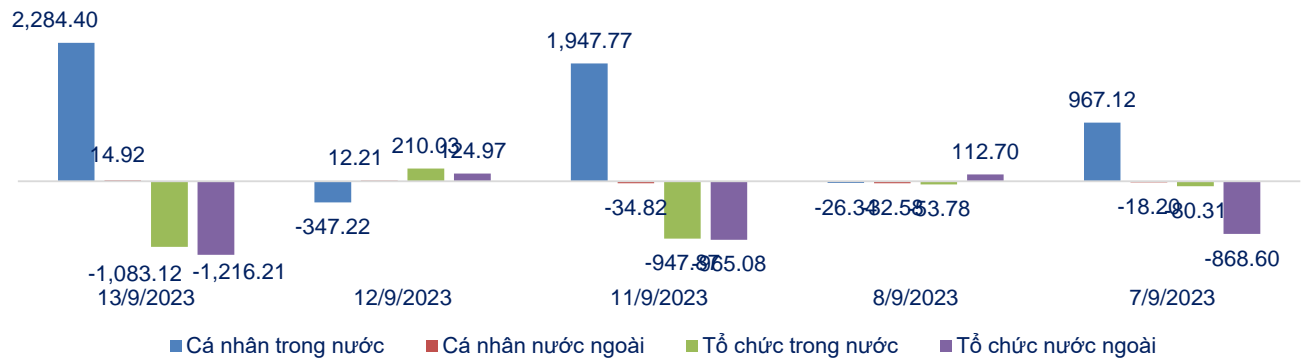
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DDG	4.69	-24.7%	(3,031)	-	0.9
HCT	3.82	1.1%	225	45.7	0.5
IDJ	3.48	5.8%	656	11.9	0.7
VC7	3.42	2.4%	261	105.7	2.5
CMS	3.30	1.1%	129	158.8	1.9





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



## Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	333.60	-2.0%	(328)	-	1.7
VHM	281.96	29.1%	10,341	5.2	1.4
NVL	165.05	-1.3%	(295)	-	0.9
MWG	157.18	6.6%	1,069	52.2	3.5
STB	143.68	17.2%	3,601	9.0	1.5

## Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	-48.94	12.4%	2,739	11.5	1.4
BSI	-46.60	5.8%	1,371	30.1	1.8
SSI	-36.09	7.3%	1,093	32.8	2.4
HSG	-17.63	-12.5%	(2,114)	-	1.3
GAS	-15.70	20.3%	6,680	15.4	2.9

## Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	9.77	6.6%	1,069	52.2	3.5
VIX	6.56	7.0%	839	24.6	1.6
STB	6.39	17.2%	3,601	9.0	1.5
CTG	4.74	15.8%	3,664	8.8	1.3
VND	2.78	3.9%	467	53.5	2.0

## Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	-6.28	1.2%	152	190.1	2.2
FCN	-4.27	0.9%	207	86.8	0.8
REE	-3.17	13.6%	6,445	9.8	1.3
VIC	-1.30	3.9%	1,395	43.2	1.7
IJC	-1.17	10.6%	1,597	10.3	1.1

## Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HSG	36.11	-12.5%	(2,114)	-	1.3
GAS	20.17	20.3%	6,680	15.4	2.9
NKG	13.49	-12.9%	(2,655)	-	1.1
DGC	12.89	36.6%	10,780	8.6	3.0
TCM	9.01	10.7%	2,535	19.3	2.1

## Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-171.32	29.1%	10,341	5.2	1.4
NVL	-133.06	-1.3%	(295)	-	0.9
FPT	-95.64	22.1%	4,596	21.5	4.4
MWG	-78.18	6.6%	1,069	52.2	3.5
DIG	-65.78	1.2%	152	190.1	2.2

## Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	77.83	7.3%	1,093	32.8	2.4
HDG	53.07	12.4%	2,739	11.5	1.4
BSI	47.34	5.8%	1,371	30.1	1.8
VNM	15.46	23.9%	3,937	20.4	4.6
HHV	14.45	3.6%	954	17.0	0.6

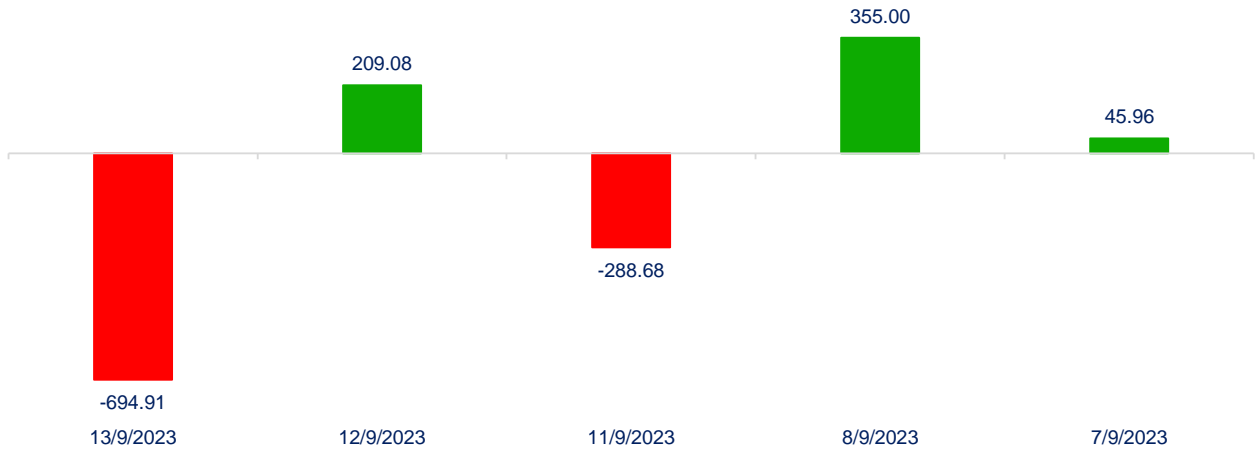
## Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-310.86	-2.0%	(328)	-	1.7
STB	-133.67	17.2%	3,601	9.0	1.5
VHM	-111.51	29.1%	10,341	5.2	1.4
KBC	-105.13	17.8%	4,373	8.0	1.3
MWG	-88.77	6.6%	1,069	52.2	3.5

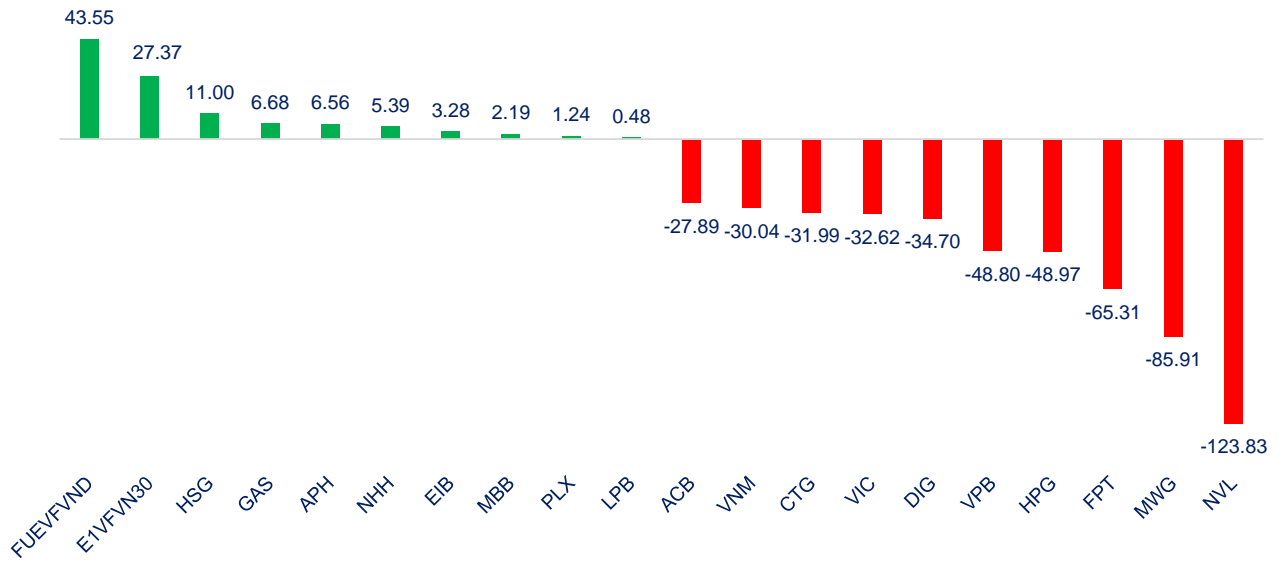


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)